

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 580/2022/HSST
Ngày: 09-12-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hiếu Nghĩa
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 831/2022/ HSST ngày 25/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5920/2022/QĐST-HS ngày 24/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn P; giới tính: Nam; sinh ngày 06/10/1974; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 382 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số V, xã N, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn T (chết) và bà: Nguyễn Thị A ; vợ: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980; con: Có 02 người con (con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 (Có mặt).

2. Nguyễn Thị Kim T; giới tính: nữ; sinh năm 1986; tại: tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E, Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn M (chết) và bà Dương Thị Tiên; chồng: Vũ Đức Th , sinh năm 1974; con: Có 02 người con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 (Có mặt).

+Người bào chữa:

1. Ông Đỗ Hải Bình, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Văn P (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Tài, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T (Có mặt).

+Người làm chứng:

1. Anh Lương Anh D, sinh năm 1998; cư trú: Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

2. Anh Ngô Quốc Khánh, sinh năm 2001; cư trú: Ấp Bến Kéo, xã Lâm Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14h20' ngày 20/8/2021, tại trước nhà xe số 481 đường Lê Văn Khương, Tổ 55A, Khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ tuần tra phòng chống dịch Covid-19 thuộc Công an phường Hiệp Thành, Quận 12 đang tuần tra trên T đường Lê Văn Khương thì phát hiện người dân truy hô, đuổi bắt Lê Văn P, Nguyễn Thị Kim T nên không chể kiểm tra.

Qua kiểm tra, bắt quả tang P đang cầm trong tay 01 áo khoác, bên trong túi áo khoác có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 50,8718gam, loại Methamphetamine). Ngoài ra, Tổ kiểm tra còn thu giữ của P: 01 xe mô tô biển số 66K5-9866, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 220.000 đồng; thu giữ của T 200.000 đồng (bút lục số 08-15).

Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T khai cư trú tại nhà số 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn nên đến 08h00' ngày 21/8/2021, Công an xã Tân Thới Nhì tiến hành kiểm tra hành chính tại đây xác định có 02 nhân khẩu sinh sống là ông Nguyễn Văn Quang, sinh năm 1962 và cháu Võ Đức Tính, sinh năm 2020. Qua xác minh, tại địa chỉ này không có ai tên Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T nên không tiến hành khám xét (bút lục số 168-172).

Vật chứng là ma túy đã được giám định, kết quả thể hiện tại bản Kết luận giám định số 4757/KLGD-H ngày 24/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09), Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 20).

Quá trình điều tra, xác định: Vào khoảng 14h20' ngày 20/8/2021, ông Lương Anh D và ông Ngô Quốc Khánh, là nhân viên nhà xe vận chuyển hàng hóa tại số 481 đường Lê Văn Khương, tổ 55A, Khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12 thấy một người đàn ông (P) chở một người phụ nữ (T) đến để gửi hàng về tỉnh Kon Tum. P dừng xe chờ ở bên ngoài, còn T ôm 01 thùng giấy vào gửi, khi ông D và ông Khánh mở thùng hàng ra kiểm tra thấy bên trong có 01 áo khoác màu trắng, sờ trong túi áo có bọc giống bọc nylon, bất ngờ T giật áo khoác chạy ra đưa cho P, rồi lên xe định tẩu thoát thì ông D và ông Khánh truy hô và đuổi theo. Lúc này, có Tổ tuần tra thuộc Công an phường Hiệp Thành phát hiện nên không chể, kiểm tra phát hiện P và T cất giấu ma túy nên tiến hành bắt quả tang.

Bị cáo Lê Văn P khai nhận: Khoảng tháng 6/2021, P quen biết một người phụ nữ thường gọi là Yến (tên thật là Bùi Thị Thu NG, sinh năm 1961, chỗ ở: số 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh), P làm thuê cho NG tại đây, NG không trả công nhưng nuôi P ăn ở và cho ma túy

“đá” để sử dụng. Ngày 20/8/2021, NG nói P và T mang thùng giấy có chứa ma túy do NG chuẩn bị sẵn ra nhà xe để gửi về tỉnh Kon Tum cho NG, P không biết bên trong là loại ma túy gì và khối lượng bao nhiêu. NG cho P 500.000 đồng tiền công, trên đường đi P sửa xe hết 280.000 đồng, còn 220.000 đồng bị thu giữ khi bị bắt. NG đưa cho T 200.000 đồng để trả tiền phí vận chuyển cho nhà xe cũng bị thu giữ khi bị bắt. P biết T là con nuôi của NG, sống cùng với NG. Khi nói P đi chuyển ma túy thì NG nói T đi cùng P, T cũng biết trong thùng giấy có ma túy.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T khai nhận phù hợp với Lê Văn P về việc NG đưa thùng giấy có chứa ma túy cho P và T đi vận chuyển. T cũng ở tại nhà của NG, được NG nuôi ăn ở và phụ dọn dẹp việc nhà. Khi đưa thùng giấy thì NG đã chuẩn bị ghi tên người gửi là Nguyễn Thị Kim T, số điện thoại 0901641557 (số điện thoại của NG); người nhận là Huỳnh Trọng Trường, Chứng minh nhân dân số 933134069, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đối với đối tượng Bùi Thị Thu NG, qua xác minh không có đăng ký thường trú, tạm trú hay đăng ký lưu trú tại địa chỉ số 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh, truy bắt để xử lý.

Đối với Huỳnh Trọng Trường đã xác minh và triệu tập ghi lời khai. Trường xác nhận không có đặt mua hay nhờ nhận hàng giúp từ người phụ nữ tên NG ở Thành phố Hồ Chí Minh; Trường không quen biết với Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, cũng không tham gia “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Do không có chứng cứ nào xác định Trường có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

* Vật chứng vụ án, gồm có:

- Thu giữ của Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 4757/21, có chữ ký của Giám định viên Phan Tấn Quốc và Cán bộ điều tra Bùi Tiến Nhân, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 thùng giấy; 01 áo khoác trắng viền đỏ sử dụng để cất giấu ma túy.

- Thu giữ của Lê Văn P:

*01 điện thoại di động hiệu Noika, P sử dụng liên lạc vận chuyển ma túy; 220.000 đồng, là số tiền công còn lại NG trả P vận chuyển trái phép chất ma túy.

*01 xe gắn máy biển số 66K5-9866, số khung: RRKWCH1UM5X010950; số máy: VTTJL1P52FMH-X010950. Kết luận giám định, số khung, số máy không thay đổi. Kết quả xác minh biển số 66K5-9866 được cấp cho xe gắn máy nhãn hiệu LISOHAKA, số khung: 022LK-015640, số máy RMH-00015640 do anh Phạm Văn Đô (sinh năm 1973; nơi thường trú: 61A ấp Bình Thạnh, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp) đứng tên chủ sở hữu. Anh Phạm Văn Đô trình bày mua chiếc xe gắn máy biển số 66K5-9866 vào năm 2002; đến năm 2005, anh Đô đã bán chiếc xe cho người buôn bán xe máy cũ tại thị trấn Lập Vò, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, chiếc xe máy mang biển số 66K5-9866 đang ở đâu và ai đang quản lý thì anh Đô không biết.

Xác minh số khung: RRKWCH1UM5X010950, số máy: VTTJL1P52FMH-X010950, kết quả không tìm thấy thông tin dữ liệu đối với xe có số khung và số máy này. Lê Văn P khai: Vào tháng 4/2021, P mua chiếc xe trên của một người đàn ông không rõ lai lịch tại khu vực huyện Hóc Môn, với giá 2.200.000 đồng. Lúc mua xe chỉ mua bán qua tay, không làm thủ tục sang tên. Vào ngày 20/8/2021, P sử dụng xe Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng thông tin tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa có ai đến để giải quyết.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Kim T: 200.000 đồng là tiền NG đưa cho T để trả cước phí gửi ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 302/CT-VKS-P1 ngày 10/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố để xét xử đối với các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án, trình bày lời luận tội khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có cơ sở pháp luật; ngoài ra, còn đánh giá về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên phạt bị cáo Lê Văn P từ 16 đến 17 năm tù, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T từ 14 đến 15 năm tù, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và xử lý vật chứng là đồ vật, tài sản theo quy định của pháp luật.

Bào chữa cho các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, luật sư thống nhất với nội dung vụ án, tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, xử phạt các bị cáo dưới mức Viện kiểm sát đề nghị đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo. Cụ thể:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn P phát biểu: Bị cáo phạm tội lần đầu có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, 2 con còn nhỏ và bị cáo là lao động chính; khối lượng ma túy bị truy tố ở mức đầu khung hình phạt quy định và vật chứng đã được Cơ quan điều tra thu giữ chưa phát tán ra xã hội nên hậu quả phần nào được hạn chế; quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải. Nên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lê Văn P là có phần nghiêm khắc

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T phát biểu: Trong vụ án, bị cáo T phạm tội đồng phạm giúp sức cho người phụ nữ tên Yến (nhận bị cáo là con nuôi) đi gửi thùng đồ cùng bị cáo Lê Văn P, bên trong có cất giấu ma túy nhưng với vai trò thụ động, không biết trước loại, khối lượng ma túy và không được hưởng lợi; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị xem xét áp dụng Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức án khoan hồng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng.

Các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T thống nhất với ý kiến của luật sư bào chữa cho mình nên không tranh luận bổ sung. Bị cáo Lê Văn P chỉ đề nghị xem xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện thi hành khoản tiền phạt nên xin miễn hình phạt bổ sung để bị cáo yên tâm cải tạo và có cơ hội được giảm án. Bị cáo Nguyễn Thị Kim T xin được hưởng mức án khoan hồng để sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Bảo lưu quan điểm truy tố về mức hình phạt đề nghị tuyên phạt đối với bị cáo như đã phân tích, đánh giá trong phần luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” của mình và đồng phạm thì bị bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T tại Cơ quan điều tra và qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (tạm giữ đồ vật - tài liệu; niêm phong vật chứng; đối chất, nhận dạng), lời khai của người làm chứng; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

- Vật chứng là ma túy thu giữ của bị cáo trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định, kết quả được thể hiện tại bản Kết luận giám định số 4757/KLGĐ-H ngày 24/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 20).

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 14h20' ngày 20/8/2021, các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T đã có hành vi mang 01 thùng hàng bên trong có cất giấu ma túy đến để gửi từ Thành phố Hồ Chí Minh cho người nhận tại tỉnh Kon Tum, thì bị Công an bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 50,8718 gam, loại Methamphetamine.

Như vậy, với khối lượng chất ma túy ở thể rắn bị thu giữ và hành vi dịch chuyển trái phép chất ma túy nhưng không nhằm mục đích sản xuất, mua bán,

tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên của các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, đã phạm vào tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy” - tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác, trực tiếp gieo rắc “cái chết trắng” cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Trong vụ án, các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự bàn bạc thống nhất ý trí nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo Lê Văn P có vai trò chính, trực tiếp nhận thùng hàng có cất giấu ma túy để đi gửi và nhận tiền công hưởng lợi; còn bị cáo Nguyễn Thị Kim T với vai trò là người giúp sức, cùng đi với bị cáo Lê Văn P và trực tiếp mang thùng hàng có cất giấu ma túy vào gửi khi đến nhà xe, nhưng không được trả công hưởng lợi; nên về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn P phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo Nguyễn Thị Kim T. Khi quyết định hình phạt sẽ xem xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần có thời gian đủ dài cách ly xã hội mới đủ tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo thuộc thành phần lao động, có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, các con còn nhỏ; riêng bị cáo Nguyễn Thị Kim T còn đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; để xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt tương ứng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo Nguyễn Thị Kim T: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm với vai trò giúp sức vì tình cảm và không hưởng lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi quyết định hình phạt áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng tại khung hình phạt liền kề đã đủ tác dụng về hình phạt đối với bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

+ Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Lê Văn P nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T, phạm tội không thu lợi bất chính, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai; . Mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với từng bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo và có cơ sở pháp luật nên được chấp nhận.

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa về tính chất mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và tình tiết giảm nhẹ; và không chấp nhận ý kiến đề nghị của luật sư về hình phạt đối với từng bị cáo vì chưa đủ tác dụng của hình phạt và không có căn cứ pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử.

+Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên) và Luật sư, đã thực hiện hành vi tố tụng và quyết định tố tụng đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tự nguyện khai báo, không bị ép cung, bức cung, dùng nhục hình; bị cáo, luật sư không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng nên hành vi và quyết định tố tụng của họ đều hợp pháp.

+Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 01 hộp giấy niêm phong bên ngoài ghi vụ số 4757/21, có chữ ký của Giám định viên Đại Ủy Phan Tân Quốc và Cán bộ Bùi Tiến Nhân, là chất ma túy độc hại cấm tuyệt đối sử dụng; 01 thùng giấy và 01 áo khoác trắng viền đỏ sử dụng để cất giấu ma túy và có không giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 353159113494394, IMEI 2: 353159113994393, kèm 01 sim; 220.000 đồng (thu giữ của P) và 200.000 đồng (thu giữ của T): là phương tiện liên lạc, tiền dùng phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Trung Quốc; số loại: không xác định; dung tích xilanh không rõ; biển số 66K5-9866; số khung: RRKWCH1UM5X010950; số máy: VTTJL1P52FMH-X010950 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra): Quá trình điều tra xác định là tài sản có nguồn gốc hợp pháp và bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng chưa xác định được chủ sở hữu. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ giao cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng để truy tìm và trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Hết thời hạn nêu trên, nếu không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đối với các đối tượng người phụ nữ tên Yến (tên thật là Bùi Thị Thu NG, sinh năm 1961, chỗ ở: số 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn,

Thành phố Hồ Chí Minh), là người các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Thị Kim T khai đã giao ma túy bị thu giữ trong vụ án và trả công để P và T mang ma túy đi gửi. Tại phiên tòa, các bị cáo P và T khai đối tượng Yến (Bùi Thị Thu NG) là người chung sống như vợ chồng với ông Nguyễn Văn Quang tại nhà số 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) và có thể nhận dạng được Bùi Thị Thu NG vì có một thời gian dài các bị cáo làm việc cho “Yến” và chung sống cùng “Yến” và ông Quang tại địa chỉ nêu trên. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục truy tìm, xác minh đối với đối tượng Bùi Thị Thu NG để ghi lời khai làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P 16 (mười sáu) năm tù, về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/8/2021.

- Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn P 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim T 14 (mười bốn) năm tù về tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/8/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy : 01 hộp giấy niêm phong bên ngoài ghi vụ số 4757/21, có chữ ký của Giám định viên Đại Úy Phan Tân Quốc và Cán bộ Bùi Tiến Nhân; 01 thùng giấy; 01 áo khoác trắng viền đỏ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI 1: 353159113494394, IMEI 2: 353159113994393; số tiền 220.000 đồng; tiền 200.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ giao cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 (sáu) tháng để truy tìm và trao trả lại tài sản là 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Trung Quốc; số loại: không xác định; dung tích xilanh không rõ; biển số 66K5-9866; số khung: RRKWCH1UM5X010950; số máy: VTTJL1P52FMH-X010950 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) cho chủ sở hữu. Hết thời hạn nêu trên, nếu không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

(Vật chứng và tiền theo Biên bản tang tài vật số NK2022/428 ngày 14/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền ngày 02/11/2021 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục truy tìm, xác minh đối với đối tượng Bùi Thị Thu NG, sinh năm 1961 (từng sinh sống tại địa chỉ 2/95 ấp Tân Lập, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) để ghi lời khai làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại tạm giam; (2)
- Người bào chữa; (2)
- Đương sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (35) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Anh

